



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 166 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04.62.670.491/492/493 Fax: 04.62.670.494 Website: www.vae.com.vn

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2009

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2009

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2009.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là 'Công ty') tiền thân là Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng các Nhà máy Thủy điện được thành lập theo Quyết định số 04QĐ/VC-TCLĐ ngày 02/01/2003 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam. Ban quản lý là một đơn vị hạch toán phụ thuộc, có sử dụng con dấu riêng, thực hiện quản lý đầu tư của dự án thủy điện Ngòi Phát - Bát Xát - Lào Cai theo hình thức Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án. Đến ngày 06/05/2004 Ban quản lý dự án chuyển thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 1203000019 ngày 06/05/2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp. Tên giao dịch North Electricity Development and Investment Joint Stock Company No 2, tên viết tắt NEDI - 2, JSC. Công ty có 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 25/08/2004;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 11/8/2005;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 01/11/2005;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bốn ngày 25/10/2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 24/07/2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 06/10/2008.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 ngày 06/10/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, vốn điều lệ của Công ty là **500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng)**.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc, mua bán vật liệu xây dựng;
- Tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng, đô thị và các khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;
- Sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ xây dựng;
- Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: Đá, cát, sỏi.

Địa chỉ: Số 100 Hoàng Liên, Phường Cốc Lếu, Thành Phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.

Tel: (84 - 020) 898 723 Fax: (84 - 020) 823 084

Danh sách cổ đông sáng lập theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với các tổ chức	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty CP XNK và Xây dựng Việt Nam	Tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	7.210.978	72.109.777.633	56,04

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

2	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Tháp A, tòa nhà Vincom, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội	2.180.000	21.800.000.000	16,94
3	Công ty CP Xây dựng Công trình ngầm	Tầng I, nhà 17T5, Khu đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	290.600	2.906.000.000	2,26
4	Công ty CP Vimeco	Lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	304.600	3.046.000.000	2,37

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2009 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trịnh Hoàng Duy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Lưu	Ủy viên
Ông Trương Chí Thành	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Ủy viên
Bà Lê Thị Kim Khuyên	Ủy viên
Ông Phan Huy Chí	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Chí Thành	Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Hải	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Hải Đăng	Phó giám đốc
Ông Vũ Mạnh Sơn	Phó giám đốc
Ông Lưu Chấn Hưng	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2



Trương Chí Thành

Giám đốc

Lào Cai, ngày 25 tháng 01 năm 2010

Số: 88 -10/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính năm 2009
của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009 được lập ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là "Công ty") từ trang 07 đến trang 24 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp trộn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở pháp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 cho năm tài chính 2009:

- Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành năm (05) bản bằng tiếng Việt. Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 giữ 04 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn

Tổng giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		133.221.013.314	35.837.113.819
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	17.654.802.590	4.215.634.808
1 Tiền	111		654.802.590	4.215.634.808
2 Các khoản tương đương tiền	112		17.000.000.000	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	2.000.000.000	5.000.000.000
1 Đầu tư ngắn hạn	121		2.000.000.000	5.000.000.000
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		109.187.684.940	21.727.971.307
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.3.1	3.447.844.062	3.004.321.868
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.3.2	105.217.454.915	18.620.559.225
5 Các khoản phải thu khác	135	V.3.	522.385.963	103.090.214
IV Hàng tồn kho	140		-	215.550.955
1 Hàng tồn kho	141	V.4.	-	215.550.955
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		4.378.525.784	4.677.956.749
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.205.447.245	2.710.211.688
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	317
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.3.3	173.078.539	1.967.744.744
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		222.100.787.517	138.109.582.683
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		211.528.586.970	127.505.715.468
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	149.926.789	206.027.489
- Nguyên giá	222		1.862.504.189	1.763.555.878
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.712.577.400)	(1.557.528.389)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	-	-
- Nguyên giá	228		10.090.000	10.090.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.090.000)	(10.090.000)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	211.378.660.181	127.299.687.979
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		10.572.200.547	10.603.867.215
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	10.572.200.547	10.603.867.215
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		355.321.800.831	173.946.696.502

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		213.776.126.369	57.705.133.291
I Nợ ngắn hạn	310		9.870.994.620	27.645.034.139
2 Phải trả người bán	312	VIII.3.4	7.852.106.446	12.906.380.882
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.3.	-	-
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.	10.784.158	-
5 Phải trả người lao động	315		595.882.402	600.969.644
6 Chi phí phải trả	316	V.10.	767.114.531	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11.	645.107.083	14.137.683.613
II Nợ dài hạn	330		203.905.131.749	30.060.099.152
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.12.	203.905.131.749	30.060.099.152
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		141.545.674.462	116.241.563.211
I Vốn chủ sở hữu	410	V.13.	141.545.674.462	116.241.563.211
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		132.006.277.633	105.599.113.211
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		10.642.450.000	10.642.450.000
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.103.053.171)	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		355.321.800.831	173.946.696.502

Lào Cai, ngày 25 tháng 01 năm 2010

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Ngọc Thuý

Lưu Chấn Hưng

Trương Chí Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		-	-
4 Giá vốn hàng bán	11		-	-
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		-	-
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.14.	1.225.018.644	2.936.967.111
7 Chi phí tài chính	22	VI.15.	101.982.926	1.633.744.675
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	1.527.478.012
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.3.	900.611.370	1.129.106.437
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		222.424.348	174.115.999
11 Thu nhập khác	31	VIII.3.5	65.052.272	1.451.272
12 Chi phí khác	32	VIII.3.6	287.476.620	175.567.271
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(222.424.348)	(174.115.999)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		-	-
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		-	-
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Lào Cai, ngày 25 tháng 01 năm 2010

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Người lập

Kế toán trưởng

Trần Ngọc Thuý

Lưu Chấn Hưng



Trương Chí Thành

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		-	-
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	2		155.049.011	168.599.807
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(1.225.018.644)	(2.937.694.384)
- Chi phí lãi vay	6		6.052.930.543	1.527.478.012
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		4.982.960.910	(1.241.616.565)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(87.160.282.668)	(27.989.648.942)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(215.550.955)	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(4.707.875.097)	(25.078.267.583)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		31.666.668	2.962.635.130
- Tiền lãi vay phải trả	13		(6.052.930.543)	(1.527.478.012)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(93.122.011.685)	(52.874.375.972)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(79.849.871.774)	(56.084.370.479)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17.000.000.000)	(21.315.736.667)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		15.000.000.000	50.465.736.667
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.225.018.644	2.936.967.111
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(80.624.853.130)	(23.996.676.095)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		13.341.000.000	13.810.024.518
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		173.845.032.597	57.477.045.286
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(33.680.917.489)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		187.186.032.597	37.606.152.315
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		13.439.167.782	(39.264.899.752)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.215.634.808	43.480.534.560
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		17.654.802.590	4.215.634.808

Lào Cai, ngày 25 tháng 01 năm 2010

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Ngọc Thuý

Lưu Chấn Hưng

Trương Chí Thành

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (gọi tắt là 'Công ty') tiền thân là Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng các Nhà máy Thủy điện được thành lập theo Quyết định số 04/QĐ/VC-TCLĐ ngày 02/01/2003 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam. Ban quản lý là một đơn vị hạch toán phụ thuộc, có sử dụng con dấu riêng, thực hiện quản lý đầu tư của dự án thủy điện Ngòi Phát - Bát Xát - Lào Cai theo hình thức Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án. Đến ngày 06/05/2004 Ban quản lý dự án chuyển thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 1203000019 ngày 06/05/2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp. Tên giao dịch North Electricity Development and Investment Joint Stock Company No 2, tên viết tắt NEDI - 2, JSC. Công ty có 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 25/08/2004;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 11/8/2005;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 01/11/2005;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bốn ngày 25/10/2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 24/07/2007;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 06/10/2008.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 ngày 06/10/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, vốn điều lệ của Công ty là **500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng)**.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc, mua bán vật liệu xây
- Tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng, đô thị và các khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;
- Sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ xây dựng;
- Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: Đá, cát, sỏi.

Danh sách cổ đông sáng lập theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với các tổ chức	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty CP XNK và Xây dựng Việt Nam	Tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	7.210.978	72.109.780.000	56,04

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2009****(tiếp theo)**

2	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	2.180.000 *	21.800.000.000 *	16,94
3	Công ty CP Xây dựng Công trình ngầm	Tầng I, nhà 17T5, Khu đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	290.600	2.906.000.000	2,26
4	Công ty CP Vimenco	Lô E9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	304.600	3.046.000.000	2,37

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm EVN. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp thực tế đích danh.
- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên
- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Tại thời điểm 31/12/2009, Công ty không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Máy móc, thiết bị	6
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm dự toán.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

Phần mềm dự toán

3

4. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí Quản lý chất lượng ISO 9001 đang được phân bổ và các chi phí đã trả của các hạng mục công trình chưa đủ điều kiện quyết toán. Các khoản chi phí của các hạng mục không đủ điều kiện quyết toán là các chi phí do thay đổi thiết kế công suất của thủy điện Công ty đang đầu tư. Tại thời điểm 31/12/2009 các khoản chi phí này là 10.572.200.547 đồng, sẽ được công ty phân bổ để xác định kết quả kinh doanh khi Công ty hoàn thành thủy điện và đi vào kinh doanh.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty là các khoản cho vay có thời hạn thu hồi dưới một năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày mua hoặc cho vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**6.1 Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Các khoản vay dài hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó được vốn hoá khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay và thời gian vay thực tế.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Công ty đang trong giai đoạn đầu tư các dự án xây dựng công trình thủy điện. Năm 2009 Công ty không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, chỉ có phát sinh doanh thu từ lãi tiền và thu nhập từ bán hồ sơ thầu.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

12.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích thực hiện đầu tư xây dựng dự án thủy điện được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

12.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

12.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán hồ sơ mời thầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009
 (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty đang trong giai đoạn đầu tư nên chưa có lợi nhuận để tính thuế TNDN.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền		31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tiền mặt		120.068.437	444.544.477
Tiền gửi ngân hàng		534.734.153	3.771.090.331
Tiền và tương đương tiền		17.000.000.000	-
Cộng		17.654.802.590	4.215.634.808
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
	Lãi suất		
Tiền cho vay Công ty CP XD Vinaconex 11	7%/năm	2.000.000.000	5.000.000.000
Cộng		2.000.000.000	5.000.000.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Bồi thường vật chất		508.701.607	101.201.607
Cho vay, mượn tạm thời		13.092.993	1.297.244
Phải thu khác		591.363	591.363
Cộng		522.385.963	103.090.214
4. Hàng tồn kho		31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Nguyên liệu, vật liệu		-	215.550.955
Cộng giá gốc hàng tồn kho		-	215.550.955

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2009	296.757.388	1.200.889.655	265.908.835	1.763.555.878
Mua trong năm	-	-	98.948.311	98.948.311
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2009	296.757.388	1.200.889.655	364.857.146	1.862.504.189
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2009	241.176.398	1.126.097.940	190.254.051	1.557.528.389
Khấu hao trong năm	45.511.545	67.116.377	42.421.089	155.049.011
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2009	286.687.943	1.193.214.317	232.675.140	1.712.577.400
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2009	55.580.990	74.791.715	75.654.784	206.027.489
Tại ngày 31/12/2009	10.069.445	7.675.338	132.182.006	149.926.789

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 783 042 258 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

- Các cam kết về việc mua bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: 0 VND

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: 0 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu

Phần mềm
dự toán

Cộng

Nguyên giá

Số dư ngày 01/01/2009

10.090.000

10.090.000

Số dư ngày 31/12/2009

10.090.000

10.090.000

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư ngày 01/01/2009

10.090.000

10.090.000

Khấu hao trong năm

-

-

Số dư ngày 31/12/2009

10.090.000

10.090.000

Giá trị còn lại

Tại ngày 01/01/2009

-

-

Tại ngày 31/12/2009

-

-

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

31/12/2009

01/01/2009

VND

VND

Công trình Thủy điện Ngòi Phát

196.392.620.815

112.607.993.552

Công trình Thủy điện Chu Linh - Cốc San

4.257.321.341

4.257.321.341

Công trình Thủy điện Sừ Pán

480.355.360

480.355.360

Công trình Thủy điện Tả Thàng

1.450.000.000

1.450.000.000

Công trình Khu đô thị Thủy Hoa

8.798.362.665

8.504.017.726

Cộng

211.378.660.181

127.299.687.979

8. Chi phí trả trước dài hạn

31/12/2009

01/01/2009

VND

VND

Chi phí trả các công trình chưa đủ điều kiện quyết toán

10.535.256.104

10.535.256.104

Chi phí ISO

36.944.443

68.611.111

Cộng

10.572.200.547

10.603.867.215

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

31/12/2009

01/01/2009

VND

VND

Thuế thu nhập cá nhân

10.784.158

-

Cộng

10.784.158

-

10. Chi phí phải trả

31/12/2009

01/01/2009

VND

VND

Trích trước chi phí lãi vay trong kỳ

767.114.531

-

Cộng

767.114.531

-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	59.509.559	-
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	318.088.156	13.066.164.422
Các khoản phải trả, phải nộp khác	267.509.368	1.071.519.191
Cộng	645.107.083	14.137.683.613

12. Vay và nợ dài hạn	Lãi suất	31/12/2009	01/01/2009
		VND	VND
a) Vay dài hạn		203.905.131.749	30.060.099.152
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10,5% - 14,8%	158.990.185.749	30.060.099.152
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam	6,9%	44.914.946.000	-
Cộng		203.905.131.749	30.060.099.152

13. Vốn chủ sở hữu

13.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2008	93.889.088.693	8.542.450.000	-	102.431.538.693
Tăng vốn trong năm trước	11.710.024.518	2.100.000.000	-	13.810.024.518
Lãi trong năm trước	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2008	105.599.113.211	10.642.450.000	-	116.241.563.211
Tăng vốn trong năm nay	26.407.164.422	-	-	26.407.164.422
Lãi trong năm nay	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(1.103.053.171)	(1.103.053.171)
Số dư tại ngày 31/12/2009	132.006.277.633	10.642.450.000	(1.103.053.171)	141.545.674.462

13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tổng Công ty CP XNK và Xây dựng Việt Nam	72.109.777.633	49.043.613.211
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	21.800.000.000	21.800.000.000
Công ty CP Xây dựng Công trình ngầm	2.856.000.000	3.106.000.000
Công ty CP Vimenco	6.387.000.000	3.046.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	28.853.500.000	28.603.500.000
Cộng	132.006.277.633	105.599.113.211

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	132.006.277.633	105.599.113.211
Vốn góp đầu năm	105.599.113.211	93.889.088.693
Vốn góp tăng trong năm	26.407.164.422	11.710.024.518
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	132.006.277.633	105.599.113.211
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

13.4 Cổ phiếu

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.200.628	10.559.911
- Cổ phiếu phổ thông	13.200.628	10.559.911
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.200.628	10.559.911
- Cổ phiếu phổ thông	13.200.628	10.559.911
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

14. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.225.018.644	2.936.967.111
Cộng	1.225.018.644	2.936.967.111

15. Chi phí tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền vay	101.982.926	1.527.478.012
Chi phí tài chính khác	-	106.266.663
Cộng	101.982.926	1.633.744.675

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

16. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	13.066.164.422	548.024.518

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

VIII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Số dư với các bên liên quan	Quan hệ với Công ty	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Các khoản phải thu			
Nhà máy Bê tông Xuân Mai	Đơn vị cùng Tổng Công ty	2.541.989	150.000.000
Công ty Vinaconex 36	Đơn vị cùng Tổng Công ty	-	200.000.000
Công ty Vimeco	Cổ đông sáng lập	28.248.649.378	12.076.126.821
Công ty Vinavico	Cổ đông sáng lập	974.049.857	1.098.873.178
Các khoản phải trả			
Tổng Công ty CP XNK và XD VN	Cổ đông sáng lập	-	13.066.164.422
Công ty Vinaconex 36	Đơn vị cùng Tổng Công ty	-	584.828.661
Nhà máy Bê tông Xuân Mai	Đơn vị cùng Tổng Công ty	-	147.458.011
Công ty Vimeco	Cổ đông sáng lập	-	6.677.676.662
Các khoản vay			
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN	Cổ đông chiến lược	158.990.185.749	30.060.099.152

2. Thông tin về hoạt động liên tục

3. Những thông tin khác

3.1 Phải thu của khách hàng

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	8.275.190	8.275.190
Công ty Xây dựng số 2 - Lào Cai	272.861.209	272.861.209
Công ty Vimeco	2.079.266.199	2.455.463.679
Công ty Vinavico	974.049.857	267.149.410
Công ty TNHH XD và lắp đặt Thủy điện Tỉnh Triết Giang	112.819.227	-
Đối tượng khác	572.380	572.380
Cộng	3.447.844.062	3.004.321.868

3.2 Trả trước cho người bán

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Công ty Xây dựng số 2 - Lào Cai	-	27.906.124
Điện lực Lào Cai	307.000.000	47.000.000
Công ty Vinaconex 36	-	200.000.000
Công ty Vimeco	26.169.383.179	9.469.063.153
Nhà máy Bê tông Xuân Mai	2.541.989	150.000.000
Xí nghiệp Thủy công chuyên ngành	-	151.599.989
Công ty Vinavico	-	831.723.768
Công ty Xây dựng công trình Tuấn Vũ	2.334.734.403	-
Công ty TNHH Tư vấn Công nghiệp Lào Cai	21.653.092	165.585.361
Công ty Tư vấn Đại học Xây dựng	-	1.875.908.919
Công ty CP VINACONEX 34	-	1.232.743.742
Công ty cổ phần xây dựng số 11	-	1.605.906.383

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

Công ty cổ phần xây dựng số 7	6.008.337.093	1.855.692.956
Công ty TNHH XD và lắp đặt Thủy điện Tỉnh Triết Giang	26.521.606.188	-
Công ty TNHH một thành viên xây lắp điện 4	3.088.946.000	-
Công ty ANDRITZ HYDRO Private Limited	37.676.100.000	-
Viện Nghiên cứu thiết kế qui hoạch thủy lợi TP Bắc Kinh	942.155.102	626.428.830
Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà	399.343.637	-
Cục giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng	100.000.000	-
Đối tượng khác	1.645.654.232	381.000.000

Cộng

105.217.454.915

18.620.559.225

3.3 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tạm ứng	173.078.539	1.967.744.744
Nguyễn Hải Đăng	2.471.000	2.471.000
Lưu Quang Minh	-	2.000.000
Phạm Huy Thúc	21.600.000	20.600.000
Nguyễn Đức Hưng	2.181.500	2.181.500
Mai Văn Chúc	603.057	1.668.280.300
Lê Thu Hương	4.000.000	2.000.000
Nguyễn Văn Vạch	4.000.000	7.000.000
Trần Thị Thu Hà	92.122.982	240.162.944
Trương Chí Thành	11.000.000	11.000.000
Phạm Đỗ Tùy	-	6.049.000
Đối tượng khác	35.100.000	6.000.000

Cộng

173.078.539

1.967.744.744

3.4 Phải trả người bán

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Công ty Xây dựng số 2 - Lào Cai	722.318.803	1.395.063.858
Công ty Vinaconex 36	-	584.828.661
Công ty Vimeco	-	5.213.524.853
Nhà máy Bê tông Xuân Mai	-	147.458.011
Công ty Xây lắp điện Vũ Yên	-	90.536.467
Công ty Xây dựng công trình Tuấn Vũ	-	683.265.597
Xí nghiệp Thủy công chuyên ngành	1.312.551.820	1.464.151.809
Công ty Khoáng sản Lào Cai	40.481.511	40.481.511
Công ty CP tư vấn đầu tư Xây dựng và ứng dụng công nghệ mới	171.847.760	171.847.760
Công ty Lũng Lô	208.927.194	217.580.107
Công ty Tư vấn Đại học Xây dựng	316.067.344	951.004.786
Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Bát Xát	20.974.625	6.021.568
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	-	895.846.514
Công ty Vinavico	2.436.375.131	530.026.057
Công ty cổ phần xây dựng số 11	1.458.632.521	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

Công ty CP VINACONEX 34	1.025.718.257	-
Điện lực Lào Cai	5.604.926	-
Công ty TNHH Tư vấn Công nghiệp Lào Cai	-	143.932.269
Các đối tượng khác	132.606.554	370.811.054
Cộng	7.852.106.446	12.906.380.882
3.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí bằng tiền khác	900.611.370	1.129.106.437
Cộng	900.611.370	1.129.106.437
3.6 Thu nhập khác	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Thu nhập từ tiền bán hồ sơ thầu	65.052.272	1.451.272
Cộng	65.052.272	1.451.272
3.7 Chi phí khác	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí khác	287.476.620	175.567.271
Cộng	287.476.620	175.567.271
3.8 Một số chỉ tiêu tài chính		

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2009	Năm 2008
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	37,49%	20,60%
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	62,51%	79,40%
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	0%	60,16%	33,17%
- Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	0%	39,84%	39,84%
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán tổng quát			
(Tổng tài sản / Nợ phải trả)	Lần	36,00	3,01
2.2 Khả năng thanh toán nợ đến hạn			
(Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn)	Lần	13,50	1,30

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

2.3 Khả năng thanh toán nhanh (Tiền hiện có/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,79	0,15
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế /Doanh thu	%	0%	0%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu	%	0%	0%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế /Tổng tài sản	%	0%	0%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	%	0%	0%
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH	%	0%	0%

3.9 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định Giá Việt Nam.

Lào Cai, ngày 25 tháng 01 năm 2010

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trần Ngọc Thuỷ

Lưu Chấn Hưng

Trương Chí Thành

